

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3845/2024/DS-ST.

Ngày: 20/8/2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Quốc Hưng;

Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí
Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc B – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số
2040/2023/TLST-DS ngày 29/11/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4523/2024/QĐXXST-DS ngày 02/7/2024 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 3522/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ trụ sở: 266 – 268
đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Nguyễn Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: B - 268
đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1983. Chứng minh nhân dân số:
025954718. Địa chỉ: A Khu phố C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh,
(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng S1) – có ông Nguyễn Minh T là đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 10/9/2019, Ngân hàng S1 có cấp tín dụng qua Thẻ tín dụng theo yêu cầu của bà Trần Thị N tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng Thẻ, bà N đã giao dịch với tổng số tiền là 70.235.160 đồng, bà N chỉ mới thanh toán tổng cộng số tiền 41.900.000 đồng. Mặc dù được nhân viên tín dụng nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N vẫn không chịu tiếp tục thanh toán số nợ còn lại, vi phạm nghĩa vụ thanh toán với S1. Do đó, đến ngày 23/4/2021, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của bà N sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/10/2023, tổng dư nợ của bà N là 123.792.228 đồng, trong đó dư nợ gốc là: 56.505.616 đồng, lãi quá hạn là 67.286.612 đồng. Do đó, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T trình bày: Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2024) là 145.829.328 đồng (trong đó tiền gốc là 56.505.616 đồng, lãi quá hạn là 89.323.712 đồng), thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do bà Trần Thị N đã vi phạm các nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng S1 tổng cộng là

145.829.328 đồng, trong đó tiền gốc là 56.505.616 đồng, lãi quá hạn là 89.323.712 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn – Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn – bà Trần Thị N thanh toán các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư ngụ tại thành phố T nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

- Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trần Thị N, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/9/2019 và bản điều khoản và điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Ngân hàng S1:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, xác nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bị đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, hình thức là cấp Thẻ tín dụng (loại Thẻ tín dụng nội địa), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Lãi suất các bên thỏa thuận được

quy định theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng S1 quy định về biểu phí sản phẩm dịch vụ T2 phát hành tại Việt Nam. Theo Quyết định trên, lãi suất được áp dụng đối với Thẻ tín dụng nội địa là 31,2%/năm (tương đương 2,6%/tháng).

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên được các bên ký kết có hình thức đúng quy định, nội dung các bên thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tự nguyện ký kết nên phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 12 của Luật Ngân hàng N2 2010, do đó các văn bản trên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của bị đơn - bà Trần Thị N có số chứng minh nhân dân 025954718 do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 12/9/2019. Trong thời gian sử dụng thẻ, bị đơn thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 131.717.000 đồng và đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 41.900.000 đồng (thứ tự thanh toán theo Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng). Sau khi trừ đi các khoản tiền phải thanh toán theo thứ tự nêu trên thì số tiền gốc còn lại là 56.505.616 đồng và kể từ tháng 4/2021 đến nay bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”; căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”; căn cứ Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quy định “*... số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*” Căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “*... Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh...*”; căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc 56.505.616 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi quá hạn.

Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại các Điều 20, Điều 22, Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: “*Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước ...*”; “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản ...*”; “*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) ...*”. Xét trong quá trình sử dụng Thẻ, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/4/2021 là phù hợp với quy định. Theo các quy định nêu trên, số tiền lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc 56.505.616 đồng kể từ ngày 23/4/2021 theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2024) là 89.323.712 đồng, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật...*”, xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo cùng ký ngày

10/9/2019 giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về việc trả lãi, lãi suất, do đó theo quy định nêu trên thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các văn bản nêu trên. Như vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tính đến ngày 20/8/2024 tổng cộng là 145.829.328 đồng, trong đó tiền gốc là 56.505.616 đồng, lãi quá hạn là 89.323.712 đồng. Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi bị đơn trả hết số nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền 145.829.328 đồng, tương đương án phí sơ thẩm là 7.291.466 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 280, Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 4; Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);
- Căn cứ Điều 12 Luật **Ngân hàng N2**;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014);

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.**

Buộc bị đơn – bà **Trần Thị N** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** các khoản tiền tính đến ngày 20/8/2024 tổng cộng là **145.829.328** (một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng, trong đó tiền gốc là 56.505.616 đồng, lãi quá hạn là 89.323.712 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng kèm theo cùng ký ngày 10/9/2019 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn – bà **Nguyễn Thị N1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.291.466 (bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Bà **Trần Thị N** chưa nộp án phí.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn - **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.094.806 (ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm lẻ sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001765 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

C

Nguyễn Cửu Long Danh Đ

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Hà), 15.

Danh Đồi